

Bản án số: 100/2018/DS-ST.
Ngày: 19-12-2018.
V/v tranh chấp HĐ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cả

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tùng Châu.

Bà Võ Thị Mỹ Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 19 tháng 12 năm 2018 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 218/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng (vay tài sản)*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 941/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1017/2018/QĐST-DS ngày 03/12/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ: Số 30, đường P, Phường b, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ M T; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Võ Thanh A; chức vụ: Cán bộ tín dụng (Văn bản ủy quyền ngày 05/9/2018).

Địa chỉ chi nhánh : Số 60, đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1975, nơi cư trú : Số nhà 15, ấp T, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2018 cùng các lần hòa giải tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 24/7/2017 bà Phạm Thị M có ký hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng TMCP A số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay là 48 tuần. Việc cho vay không có thế chấp tài sản để đảm bảo (tín chấp).

Trong thời gian thực hiện hợp đồng bà M vi phạm trả nợ không đúng theo hợp đồng đã ký kết, tính đến ngày 19/12/2018 bà M còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 6.151.666 đồng. Trong đó, nợ gốc là 5.419.077 đồng, nợ lãi trong hạn là 92.308 đồng và nợ lãi quá hạn là 640.281 đồng.

Ngân hàng yêu cầu bà K trả tổng các khoản nợ là 6.151.666 đồng như đã nêu trên và tiếp tục tính lãi suất quá hạn theo hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong phần nợ gốc.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Phạm Thị M trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Đối với Ngân hàng, việc ký kết hợp đồng thì Ngân hàng thực hiện cho vay đúng theo quy định tại các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì bà Phạm Thị M có vay của Ngân hàng TMCP A số tiền 20.000.000 đồng là sự thật (Hợp đồng tín dụng số : 00774759.0157939101T17005 ngày 24/7/2017), khi thực hiện trả nợ theo định kỳ bà M thực hiện không đúng, tính đến ngày 19/12/2018 bà M còn nợ ngân hàng số tiền 6.151.666 đồng. Trong đó, nợ gốc là 5.419.077 đồng, nợ lãi trong hạn là 92.308 đồng và nợ lãi quá hạn là 640.281 đồng, nên ngân hàng kiện yêu cầu M trả số nợ như đã nêu trên là đúng theo quy định tại các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ngân hàng còn yêu cầu bà M phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi theo hợp đồng đã ký từ ngày 20/12/2018 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ là đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tính bằng 5% giá trị trên tổng số tiền mà bị đơn phải trả

cho nguyên đơn tại thời điểm xét xử , như vậy án phí Huynh phải nộp là 307.500 đồng.

[4] Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do, ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt , nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự , xét xử vắng nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 94, 95, 96 và 98 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng các Điều 463, 465, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

I. Về nội dung:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

2. Buộc bà Phạm Thị M có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A các khoản tiền như sau:

- Tiền nợ gốc là 5.419.077 đồng (*Năm triệu bốn trăm mười chín ngàn không trăm bảy mươi bảy đồng*).

- Tiền nợ lãi trong hạn là 92.308 đồng (*Chín mươi hai ngàn ba trăm lẻ tám đồng*).

- Tiền nợ lãi quá hạn là 640.281 đồng (*Sáu trăm bốn chục ngàn hai trăm tám mươi một đồng*).

3. Kể từ ngày 20/12/2018 bà M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán , theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số: 00774759.0157939101T17005 ngày 24/7/2017.

II. Về án phí:

1. Bà Phạm Thị M phải nộp là 307.500 đồng (*Ba trăm lẻ bảy ngàn năm trăm đồng*), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2. Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí , số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0003980 ngày

12/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V được hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND TP V;
- CC THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Thanh Hồng

